

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN EA SÚP
TỈNH ĐẮK LẮK**

Bản án số: 20/2023/HNGĐ-ST

Ngày 08 - 09 - 2023

*V/v tranh chấp hôn nhân và
gia đình.*

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN EA SÚP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lưu Quốc Chính

Các Hội thẩm nhân dân gồm có: Ông Cao Hữu Toàn

Ông Bành Trọng Bình

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Hương – Cán bộ Tòa án nhân dân huyện Ea Súp.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ea Súp tham gia phiên tòa: Ông Trần Dương Công – Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 09 năm 2023 tại phòng xử án Tòa án nhân dân huyện Ea Súp, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 153/2023/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 04 năm 2023 về việc “*Tranh chấp hôn nhân và gia đình*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 19/2023/QĐST-HNGĐ ngày 08 tháng 08 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 33/2023/QĐST-DS ngày 24 tháng 08 năm 2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị **Phùng Thị Kim O** – SN: 1987

Địa chỉ: Thôn 05, xã E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk (Có mặt).

Bị đơn: Anh **Lương Tri N** – SN: 1992

Nơi ĐHKTT: Thôn 05, xã E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk.

Nơi ở: Cụm 8, xã C, huyện E, tỉnh Đắk Lắk (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 02/03/2023, bản tự khai, biên bản lấy lời khai, và lời khai tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn chị Phùng Thị Kim O trình bày:

Chị O và anh Lương Tri N tự nguyện chung sống với nhau vào năm 2014, có đăng ký kết hôn tại UBND xã E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk vào ngày 24/09/2014. Trong quá trình chung sống vợ chồng hạnh phúc trong thời gian đầu và đã có với nhau 01 con chung tên Lương Gia Ng – SN: 06/02/2016, nhưng về sau vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính tình không hợp nhau, bất đồng trong quan điểm sống, không có tiếng nói chung, nhất là vấn đề tình cảm. Tuy vợ chồng anh chị được hai bên gia đình cũng như chính quyền góp ý khuyên bảo nhưng anh chị không

thể sống hòa hợp được với nhau nên anh chị đã sống ly thân với nhau từ năm 2022 cho đến nay. Nay chị thấy tình cảm giữa chị và anh N không còn nếu cứ níu kéo sẽ không có hạnh phúc nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Lương Tri N.

Về con chung: Chị và anh Lương Tri N không có con nuôi, con riêng, anh chị chỉ có 01 con chung Lương Gia Ng – SN: 06/02/2016. Nay ly hôn chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được nuôi cháu cho đến khi cháu đủ 18 tuổi, chị không yêu cầu anh Lương Tri N phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản, công nợ: Chị và anh Lương Tri N tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn anh Lương Tri N, trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành tổng đạt thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập thông qua UBND xã E, UBND xã C niêm yết thông báo tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa tại UBND xã E, UBND xã C, tại nhà anh Lương Tri N và tại Tòa án huyện Ea Súp, tuy nhiên anh N đều vắng mặt tại Tòa án không lý do. Do vậy anh Lương Tri N không thể hiện quan điểm của mình trong vụ án.

Tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ ngày 26 tháng 06 năm 2023 nguyên đơn đã được tiếp cận công khai chứng cứ, thống nhất với chứng cứ đã được công khai và không thay đổi bổ sung đơn khởi kiện hay nộp chứng cứ gì mới, không yêu cầu triệu tập đương sự khác đến tham gia phiên tòa.

Tại phiên tòa bị đơn vắng mặt, nguyên đơn không có ý kiến tranh luận gì thêm, đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ea Súp phát biểu ý kiến:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán: Trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án Thẩm phán đã tuân theo đúng các quy định tại các Điều 28, 35, 39, 68, 96, 97, 98, 175, 176, 197, 198, 204 và 220 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa: Tại phiên tòa Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm và đảm bảo đúng nguyên tắc xét xử.

Về chấp hành pháp luật của các đương sự trong vụ án: Từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn đã thực hiện đúng các quy định Bộ luật tố tụng dân sự về quyền và nghĩa vụ của đương sự, bị đơn Tòa án đã tiến hành niêm yết đầy đủ các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật, tuy nhiên bị đơn vẫn vắng mặt.

Về nội dung vụ án: Căn cứ các Điều 51, 53, 81, 82, 83, 84 và điều 110 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, đề nghị Hội đồng xét xử: Về quan hệ hôn nhân chấp nhận đơn khởi kiện của chị Phùng Thị Kim O, xử cho chị Phùng Thị Kim O được ly hôn với anh Lương Tri N, về con chung giao con chung Lương Gia Ng cho chị Phùng Thị Kim O nuôi dưỡng cho đến khi cháu đủ 18 tuổi, chấp nhận sự tự nguyện của chị O không yêu cầu anh Lương Tri N phải cấp dưỡng nuôi con.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Chị Phùng Thị Kim O khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh Lương Tri N có nơi cư trú tại huyện E, tỉnh Đắk Lắk, đây là quan hệ tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án huyện Ea Súp theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục: Đối với bị đơn anh Lương Tri N, trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành tổng đạt thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập thông qua UBND xã E, UBND xã C, niêm yết thông báo tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa tại UBND xã E, UBND xã C, tại nhà anh Lương Tri N và tại Tòa án huyện Ea Súp, tuy nhiên anh N không hợp tác, không có mặt tại Tòa án. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử, xử vắng mặt.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Hội đồng xét xử nhận thấy chị Phùng Thị Kim O và anh Lương Tri N tự nguyện chung sống với nhau, có đăng ký kết hôn tại UBND xã E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk vào ngày 24/09/2014 đúng theo quy định của pháp luật nên quan hệ hôn nhân giữa chị Phùng Thị Kim O và anh Lương Tri N là hợp pháp. Trong thời gian chung sống chị O, anh N nảy sinh nhiều mâu thuẫn nguyên nhân là do anh, chị tính tình không hợp, nhất là vấn đề tình cảm, anh N thường uống rượu, say xỉn không quan tâm vợ con, không có trách nhiệm với gia đình. Xét tình cảm, hạnh phúc của chị O, anh N không còn, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều 56 Luật hôn nhân gia đình, chấp nhận đơn khởi kiện của chị O, xử cho chị Phùng Thị Kim O được ly hôn với anh Lương Tri N.

[4] Về con chung: Hội đồng xét xử nhận thấy chị O, anh N không có con nuôi, con riêng anh chị có 01 con chung Lương Gia Ng – SN: 06/02/2016. Nay chị O có nguyện vọng nuôi con, xét yêu cầu nuôi con của chị O, nhận thấy chị O hiện có nhà ở tại thôn 05, xã E và đang làm nhân viên bán hàng tạp hóa, thu nhập khoảng 5.000.000 đồng/tháng nên có đủ khả năng chăm sóc giáo dục con, đối với anh N thường uống rượu, say xỉn không quan tâm vợ con nên Hội đồng xét xử không có cơ sở để giao con chung cho anh N nuôi dưỡng mà cần chấp nhận yêu cầu nuôi con của chị Phùng Thị Kim O, giao cháu Lương Gia Ng cho chị O nuôi dưỡng cho đến khi cháu đủ 18 tuổi là phù hợp. Về cấp dưỡng, chị O không yêu cầu anh Lương Tri N cấp dưỡng nuôi con nên anh Lương Tri N không phải cấp dưỡng nuôi con.

[5] Về tài sản và công nợ: Chị O và anh Lương Tri N không có yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[6] Về án phí: Áp dụng khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm a, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và Lệ phí Tòa án. Chị Phùng Thị Kim O phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm không có giá ngạch theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 235, 266, 227, 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Khoản 1 Điều 51; khoản 2 Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83, Điều 84 và Điều 110 Luật hôn nhân và gia đình;

Điểm a, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và Lệ phí Tòa án.

Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Phùng Thị Kim O, xử cho chị Phùng Thị Kim O được ly hôn với anh Lương Tri N.

Về con chung: Giao cháu Lương Gia Ng – SN: 06/02/2016 cho chị Phùng Thị Kim O nuôi dưỡng cho đến khi cháu đủ 18 tuổi.

Chị Phùng Thị Kim O không được quyền ngăn cản anh Lương Tri N đến thăm nom chăm sóc con chung.

Về cấp dưỡng nuôi con: Anh Lương Tri N không phải cấp dưỡng nuôi con.

Chị Phùng Thị Kim O và anh Lương Tri N có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và yêu cầu cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Về tài sản, công nợ: Chị Phùng Thị Kim O và anh Lương Tri N không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Về án phí: Chị Phùng Thị Kim O phải chịu 300.000^d (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm không có giá ngạch, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000^d (*Ba trăm nghìn đồng*) chị O đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện E theo biên lai thu số 0010455 ngày 18/04/2023.

Quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án.

**TM/HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND huyện Ea Súp;
- Chi cục THA huyện E;
- UBND xã E;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

(Đã ký)

Lưu Quốc Chính